

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2017/HS-ST

Ngày: 12-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang.

Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thanh Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Khanh;

2. Ông Võ Hòa Minh;

3. Ông Mai Tuấn Kiệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Trang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2017/HSST ngày 29 tháng 5 năm 2017; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2017/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1964, tại Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị B1 (đã chết); vợ Lê Thị H1 sinh năm: 1965; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không có.

Ngày 24/4/1998 bị Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Tây Ninh xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 200; điểm d, h khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 1985; phạt bổ sung 1.100.000 đồng và chịu 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt từ ngày 28/01/2017 cho đến nay (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ:

Ông Hồ Văn Đ1 - Luật sư Văn phòng luật sư S1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Ông Vương Sơn S - Luật sư Văn phòng luật sư S1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm: 1958, địa chỉ cư trú: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 28/01/2017 Nguyễn Văn Đ cùng Trần Văn X đến nhà của anh Dương Hoài R tại ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh chúc Tết và uống rượu cùng một số người khác, uống khoảng hơn 01 lít rượu thì Đ đi về. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Đ về đến nhà ngủ thì nghe ông Nguyễn Văn U và ông Dương Văn Q hát karaoke tại nhà ông U sát vách nhà Đ. Do ông U và ông Q hát karaoke lớn tiếng làm Đ không ngủ được nên Đ cầm cây rựa sang nhà ông U kêu ông U tắt karaoke, hai bên gây gổ với nhau. Sau đó, Đ cầm rựa xông vào chém ông U nhưng ông U tránh được và đánh trả lại làm cây rựa rớt xuống đất, Đ nhặt cây rựa ra về. Khi về đến nhà, Đ nghe ông U tiếp tục chửi lớn tiếng nên cầm cây rựa đi ra đứng trước cửa nhà nhìn sang nhà ông U.

Lúc này, bà Nguyễn Thị L - vợ ông U về đến, thấy Đ cầm cây rựa đứng trước nhà của Đ, bà L lớn tiếng gây gổ, Đ tức giận cầm cây rựa đi sang nhà bà L và dùng tay phải cầm rựa chém thẳng vào đỉnh đầu trái của bà L 01 cái làm bà L khom người về phía trước. Khi bà L đứng dậy, Đ tiếp tục dùng rựa chém thẳng vào vùng trán trái của bà L 01 cái làm bà L té ngửa xuống đất. Thấy vậy, ông U xông vào giật cây rựa trên tay Đ làm lưỡi rựa trúng vào đùi trái của bà L rách da, ông U tiếp tục giật lấy cây rựa của Đ làm lưỡi rựa rớt xuống đất, Đ cầm phần cán bỏ chạy và vứt bỏ gần nhà Đ, ông U đuổi theo và xông vào đánh bằng tay không với Đ. Anh Bùi Văn D - cháu rể của ông U chạy đến can ngăn, Đ bỏ chạy vào đám mì sau nhà lẫn trốn. Bà L được D và gia đình đưa đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tây Ninh cấp cứu và điều trị đến ngày 06/02/2017 xuất viện. Đ lẫn trốn đến 21 giờ 30 phút cùng

ngày thì đến Công an xã H, huyện C đầu thú. Trong quá trình điều tra, bị cáo Đ không thừa nhận có ý Đ giết bà L.

Kết luận giám Đ pháp y về thương tích số 26/2017/TgT ngày 06/02/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Tây Ninh kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Thị L do thương tích gây nên hiện tại là 19%.

Kết luận giám Đ số 06/GT.2017 ngày 10/02/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh, kết luận: Chất màu đỏ ghi thu tại hiện trường là máu người, nhóm máu O, cùng nhóm máu của Nguyễn Thị L. Trên lưỡi rựa bằng kim loại, kích thước 35 cm x 07 cm, phần cán của lưỡi rựa dài 9 cm, cán rựa bằng gỗ hình trụ tròn dài 19,5 cm, đường kính 03 cm, một đầu bịt kim loại dài 3,5 cm, xung quanh cán rựa có quấn dây ràng màu đen không dính máu.

Đối với việc bị cáo và ông U đánh nhau, bị cáo và ông U đều không yêu cầu xử lý hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Tây Ninh không xử lý.

Về bồi thường thiệt hại: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí đi lại, điều trị, tiền mất thu nhập, tổng số tiền 23.423.000 đồng. Phía gia đình của bị cáo đã bồi thường 6.300.000 đồng.

Vật chứng thu giữ trong vụ án: 01 lưỡi rựa cán bằng kim loại, kích thước 35 cm x 75 cm, phần cán của lưỡi rựa dài 9 cm có trọng lượng 0,25 kg; 01 cán rựa bằng gỗ hình trụ tròn dài 19,5 cm, đường kính 03 cm, một đầu bịt kim loại dài 3,5 cm, xung quanh cán rựa có quấn dây ràng màu đen, có trọng lượng 0,1 kg. Tổng trọng lượng cây rựa là 0,35 kg.

Tại Bản cáo trạng số 13/QĐ-KSĐT-P2 ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đã truy tố Nguyễn Văn Đ về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật Hình sự.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Giết người”, áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 18, khoản 3 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 12 đến 14 năm tù; buộc bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 17.123.000 đồng và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Luật sư Đ1 bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất về tội danh “Giết người” mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đã truy tố. Tuy nhiên, bị cáo “phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của bị hại” được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, cụ thể là do

bị hại đã mở karaoke lớn tiếng, nợ tiền hội không trả và có những lời lẽ thách thức bị cáo. Ngoài ra, bị cáo phạm tội là do lỗi của bị hại nên hành vi của bị cáo không có “tính chất côn đồ” là tình tiết định khung quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 93 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo đồng thời xem xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, đã ra đầu thú và bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt được quy định tại điểm b, đ, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 18, khoản 3 Điều 52 của Bộ luật Hình sự để tuyên mức án thấp nhất cho bị cáo.

Luật sư S bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất với lời bào chữa của luật sư Đ1. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, cụ thể bị cáo đã có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, có cậu và chú là liệt sĩ và tại phiên tòa bị hại có yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự nên đề nghị áp dụng Điều 47 xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 93 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không tham gia tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, luật sư bào chữa cho bị cáo và người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với kết luận giám định, lời khai người làm chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Tối ngày 28/01/2017 (mùng 01 Tết) do có mâu thuẫn với ông U là chồng của bị hại về việc ông U hát Karaoke lớn tiếng làm bị cáo không ngủ được, đồng thời bức tức do gia

đình bị hại nợ tiền hụi mà không trả nên bị cáo đã dùng rựa trực tiếp chém thẳng vào đỉnh đầu trái của bà L 01 cái làm bà L khom người về phía trước, khi bà L đứng dậy, bị cáo tiếp tục dùng rựa chém thẳng vào vùng trán trái của bà L 01 cái nữa làm bà L té ngã xuống đất. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của bà L do thương tích gây nên là 19%. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 93 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ mà bị cáo đã tức giận dùng rựa là hung khí nguy hiểm trực tiếp chém vào vùng đầu là vùng trọng yếu trên cơ thể của bị hại 01 cái làm bị hại không còn khả năng chống đỡ, sau đó bị cáo lại tiếp tục chém vào vùng đầu của bị hại thêm 01 cái nữa làm bị hại té ngã xuống đất. Việc bị hại không chết là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo. Mặc dù nhận thức rõ việc dùng rựa chém vào vùng đầu của người khác sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng nhưng bị cáo vẫn chém liên tiếp vào đầu bà L 02 cái cho thấy mức độ quyết liệt trong hành vi của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo mang tính chất côn đồ, đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng của người khác, đồng thời gây mất trật tự trị an địa phương. Do đó, bị cáo phạm tội “Giết người” theo tình tiết định khung “có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật Hình sự. Cần xử lý nghiêm bị cáo để đảm bảo tính răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

Từ đó lời bào chữa của Luật sư cho rằng bị cáo phạm tội “Giết người” quy định tại khoản 2 Điều 93 của Bộ luật Hình sự vì hành vi của bị cáo không có “tính chất côn đồ” là không có cơ sở.

[4] Bị hại không chết mà tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 19% nên hành vi phạm tội của bị cáo được áp dụng Điều 18, khoản 3 Điều 52 của Bộ luật Hình sự thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Theo khoản 3 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 1999: “...*Nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình thì chỉ có thể áp dụng các hình phạt này trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng...*” nhưng theo quy định tại khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015: “*Nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình thì áp dụng hình phạt tù không quá 20 năm...*”. Vì vậy, căn cứ vào Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc áp dụng các quy định có lợi của Bộ luật Hình sự năm 2015 cho người phạm tội, Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 3 Điều 7 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, cụ thể:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tác động gia đình bồi thường 6.300.000 đồng cho bị hại, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú khai rõ ràng hành vi phạm tội và tại phiên tòa bị hại có yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do đó Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

Bị cáo trình bày từ năm 1985 đến năm 1988 là quân nhân phục vụ có thời hạn tại Đại đội 21, Trung đoàn 16, Sư đoàn bộ binh 5 – Quân khu 7 nhưng qua xác minh Ban chỉ huy huyện đội Bến Cầu, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Tây Ninh và Sư đoàn B5 đều không thể hiện hồ sơ lưu của bị cáo, mặt khác xét thấy đây là nghĩa vụ của công dân không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không cơ sở xem xét áp dụng cho bị cáo. Đồng thời bị cáo còn cung cấp tình tiết cậu và chú của bị cáo là liệt sĩ nhưng căn cứ quy định tại Nghị quyết 01 ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao không được xem xét là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, luật sư bào chữa cho rằng bị cáo “phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của bị hại” nên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo nhưng xét thấy việc gia đình bị hại mở karaoke gây tiếng ồn và có nợ hui bị cáo là có thật nhưng đó không phải là hành vi trái pháp luật để bị cáo bị kích động tinh thần đến mức phải dùng rựa chém bị hại, nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của luật sư.

Do bị cáo phạm tội chưa đạt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 46 nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 47 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới mức khởi điểm của khung hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị L yêu cầu bồi thường số tiền 23.423.000 đồng, đây là chi phí hợp lý cho việc điều trị và tiền công lao động bị mất của bà L nên Hội đồng xét xử chấp nhận, gia đình bị cáo đã bồi

thường số tiền 6.300.000 đồng nên bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 17.123.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 41 của Bộ luật Hình sự và Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy những đồ vật không còn giá trị sử dụng:

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 856.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Giết người”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 18, khoản 3 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7; khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 11 (Mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/01/2017.

2/ Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự, Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn Đ đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 23.423.000 đồng, gia đình bị cáo đã bồi thường số tiền 6.300.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường số tiền 17.123.000 đồng (Mười bảy triệu một trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3/ Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự và Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 lưỡi rựa cán bằng kim loại, kích thước 35 cm x 07 cm, phần cán của lưỡi rựa dài 9 cm có trọng lượng 0,25 kg (không phải hai mươi lăm kilogam); 01 cán rựa bằng gỗ hình trụ tròn dài 19,5 cm, đường kính 3 cm, một đầu bịt kim loại dài 3,5 cm, xung quanh cán rựa có quấn dây rằn màu đen, có trọng

lượng 0,1 kg (không phải một kilogam). Tổng trọng lượng cây rựa là 0,35 kg (không phải ba mươi lăm kilogam).

(Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh).

4/ Về án phí: Áp dụng các Điều 98, 99 của Bộ luật Hình sự 1999; Điều 23, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 856.000 đồng (Tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho bị cáo và bị hại biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh TN;
- VP CQCSĐT CA tỉnh;
- Phòng PV27 CA Tây Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Trại tạm giam;
- Công an cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Thu Trang